

NGUYÊN NHÂN PHẬT GIÁO SUY TÀN TẠI ẤN ĐỘ

Thích Quảng Bình

Sau khi đức Thế Tôn nhập Niết bàn, giáo pháp của Ngài luôn là ngọn đuốc soi đường cho chúng sanh muôn loài tìm về ánh sáng giác ngộ. Chư vị đệ tử của Ngài luôn mang trong lòng chí nguyện "*hoằng pháp vi gia vụ, lợi sanh chi bốn hoài*" như lời đức Thế Tôn dạy trước khi Ngài nhập niết bàn: "Hãy ra đi, rày đây mai đó, vì sự an lành và hạnh phúc của nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian."

Theo Phật giáo, sự thay đổi nào cũng đều có thể tìm về quy luật nhân quả. Do đó, truy tìm nguyên nhân đưa đến pháp để duy trì tránh sự suy vong của Phật giáo là một việc đáng làm, nhất là trong giai đoạn Phật giáo đang đối mặt với nhiều thách thức mới. Sau một thời gian dài rất hưng thịnh, tới thế kỷ thứ 3 hoặc thứ 4 sau CN, Phật giáo bắt đầu mờ nhạt dần. Cuộc suy tàn tại Ấn Độ kéo dài chậm chạp trong một ngàn năm tiếp sau đó được các học giả phân tích với các nguyên nhân đa dạng.

Phật giáo có hai chúng gồm xuất gia và tại gia nhưng khi chúng xuất gia mất thì Phật pháp không được duy trì? Phật giáo là chỉ dành riêng cho hàng xuất gia chăng? Trước khi trả lời câu hỏi, chúng ta hãy tìm hiểu nguyên nhân Phật giáo suy vong ở Ấn Độ. Nguyên nhân bên ngoài gồm: Một là sự xung đột giữa Bà-la-môn giáo và Phật giáo. Hai là sự thù giận và ghét bỏ của các Bà-la-môn hành nghề tế lễ. Ba là Phật giáo không những bị mất sự ủng hộ của nhà cầm quyền mà còn bị đàn áp, phá hủy. Bốn là âm mưu tiêu diệt Phật giáo của người Hồi giáo. Năm là Phật giáo bị đồng hóa. Nguyên nhân bên trong: Thứ nhất Tăng sĩ xao lãng việc tu tập, thờ ơ với sứ mệnh truyền bá Chánh pháp phụng sự xã hội, đánh mất sự giao hảo gần gũi với quần chúng. Thứ hai, Phật giáo không có tổ chức cư sĩ để giảng dạy, truyền bá và bảo vệ tôn giáo của mình. Do đó, họ chỉ đứng nhìn mà không giúp được gì khi các tu viện bị cướp phá, xúc phạm và các Tăng sĩ bị trục xuất hay giết hại. Thứ ba, thiếu vắng những nghi thức cho các sinh hoạt liên quan đến đời sống văn hóa, tập tục xã hội như hôn nhân, tang tế. Và cuối cùng, thứ tư, là tín đồ mê tín dị đoan.

Trong thế kỷ 6, các đạo quân Bạch Hung càn quét qua nhiều khu vực Trung Á và tây bắc Ấn Độ. Sau người Bạch Hung, tới lượt các bộ lạc Trung Á tới và định cư giữa vùng bình nguyên sông Indus và Hằng Hà. Kế đó, qua thế kỷ 8, người Ả-rập Hồi giáo tới ở tại cửa sông Indus. Dần dà, các đạo quân Hồi giáo chiếm đóng luôn cả Đông Ấn. Khoảng thế kỷ 13, người Hồi giáo dựng lên một đế quốc bao gồm toàn bộ vùng Bắc Ấn. Trong dòng tiến quân của họ, các nhóm binh sĩ Ả-rập khác nhau phá hủy nhiều trung tâm Phật giáo lớn, thiêu hủy kinh sách và làm tiêu hao nhiều cộng đoàn tăng ni. Thêm nữa, một khi nắm quyền lực, người Hồi giáo xâm lăng đạt được những thành quả lớn lao trong việc cải đạo những tín đồ Phật giáo sang Hồi giáo.

Tới đầu thế kỷ 13, Phật giáo gần như bị triệt tiêu tại Bắc Ấn ngoại trừ một số ít nhóm sống rải rác. Tuy vậy, đạo Phật vẫn được thực hành tại Nam Ấn cho tới thế kỷ 15, rồi biến mất. Từ lúc ấy cho tới thế kỷ 20, tại Ấn Độ, Phật giáo được thể hiện chủ yếu trong những di tích đền đài cùng ảnh hưởng thẩm thấu và trường tồn trong Ấn độ giáo, Hồi giáo, đạo Sikh, và các truyền thống dân dã khác, làm thành văn minh Ấn độ. Ngay trong tâm thức của người Ấn giáo, kể cả các bậc đạo sư lẫn giới trí thức, Đức Phật vẫn là niềm hứng khởi và hình ảnh của một đấng cứu độ, đại tôn sư về tâm linh và giác ngộ.

Ở bên ngoài Ấn Độ, công cuộc hoằng pháp ngày càng thịnh đạt với những triển khai muôn hình muôn vẻ. Ngay từ đầu công nguyên, nhờ con đường truyền giáo Nam tông và Bắc tông, Phật giáo không biến mất mà càng lúc càng được kiến thiết và duy trì sống động trong cuộc sống hằng ngày trên các miền đất mới. Sang tới đầu thế kỷ 21, với tinh thần từ bi, phá chấp, phi cơ chế và chứng nghiệm của mình, Phật giáo ngày càng được đón nhận rộng rãi, đầy nhiệt tình trong giới trí thức phương Tây, và đang phát huy nền triết học thâm sâu cùng thể hiện tính cách bao dung và tự lực trên đường trở thành một tôn giáo thế giới.

Sau khi đức Thế Tôn nhập Niết Bàn, không có vị lãnh đạo tối cao nên tất cả hoạt động của Tăng Ni và Phật tử đều lấy giới luật làm thầy, nhưng những giới nhỏ không biết làm thế nào để có thể áp dụng vào đời sống thực tế mang lại hạnh phúc trong tu tập, sự tranh luận về giới luật phát sinh và vì thế hình thành hai bộ phái lớn đó là Thượng Tọa Bộ và Đại Chúng Bộ về sau chia thành 18 phái sau chia ra 34 phái và sau nữa chỉ còn 28 phái trong đó có một số phái vừa ra đời liền chết luôn. Theo *Luận Tỳ Bà Sa* thì các giáo phái Phật giáo chia chẻ nhỏ lẻ như thế tồn tại những mâu thuẫn làm mất sự thanh tịnh và hòa hợp trong Tăng đoàn, các bên lại tìm mọi cách nâng cao mình và hạ bệ giáo pháp của mình. Trong *A Tỳ Đàm Luận* có ghi về sự phân tách những luận thư luận tạng là thiết học của các giáo phái để từ đó nâng cao các vị luận sư và luận thuyết của mình.

Sự xâm nhập của người Hồi Giáo đẩy mạnh sự điêu tàn của Phật Giáo trên đất Ấn. Khi người Hồi Giáo đến, họ có hai đối tượng trước mắt: Thứ nhất là nắm quyền chính trị, thứ hai là truyền bá Hồi Giáo. Để đạt được mục đích thứ hai, họ có kế hoạch khử trừ những đền chùa Phật Giáo và Ấn Độ Giáo, các tăng sĩ và thầy tế của Bà La Môn, vì chúng là những kho tàng tư tưởng tôn giáo. Họ có khuynh hướng chống những tu sĩ Phật Giáo, những người đã truyền bá thông điệp bình đẳng do đức Như Lai dạy. Khuynh hướng này được trừ hoạch vì người Hồi Giáo, thấy rằng họ gặp khó khăn trong việc truyền dạy thông điệp tiên tri của họ về bình đẳng dưới quan điểm của những giáo lý tương tự như của Đức Phật. Do đó, những người Hồi Giáo cuồng tín san bằng các tu viện, và thủ tiêu hầu hết các tăng sĩ trong tu viện đó. Thiếu số may mắn thoát khỏi lưỡi gươm của Hồi Giáo, họ phải chạy trốn để giữ mạng và tìm nơi ẩn náu ở những nước láng giềng. Hai ông vua Hồi Giáo đáng chú ý đã tàn phá những nơi thiêng liêng của Phật Giáo là Mahmud Gaznavi và Bakhtiaruddin Khilji. Ông vua trước đã cướp bóc những chùa chiền ở Kot Kangra (Mimachal Pradesh) vào thế kỷ thứ mười, và ông vua sau đã phá hủy những tu viện Nalanda, Vikramasla, và Odantapuri là những trụ sở sống động cho đến thế kỷ thứ mười hai. Nói về sự xâm lăng của Hồi Giáo, tiến sĩ Ambedkar nói: "Những người xâm lăng Hồi Giáo cướp phá những Đại Học kể ra một số ít là Nalanda, Vikramasila, Jagaddala, Odantapuri. Họ nhổ tận nền những tu viện Phật Giáo rải khắp nơi trong nước. Tăng sĩ hàng ngàn người chạy trốn qua nước Nepal, Tây Tạng, và những xứ ngoài Ấn Độ."

Sự suy tàn của những trung tâm Phật Giáo thổi đến một ngọn gió định mệnh cho tín đồ Phật Giáo, họ không thể phục hồi trở lại nền tảng đã mất. Vì vậy, trải qua những thế kỷ kế tiếp, Phật Giáo một mặt bị chính những người hâm mộ nó thờ ơ, và mặt khác, hàng ngàn chùa chiền của nó bị những kẻ đối lập hủy diệt, cướp bóc hay chiếm đoạt. Những công trình Phật Giáo tiếp tục bị tiêu hủy, cướp bóc trong nhiều thế kỷ chỉ vì vật chất, hầu hết những tàn tích ngày nay đều rui ro không còn. Và ngay cả những tác phẩm điêu khắc thoát khỏi sự phá hoại văn hóa này, ngày nay cũng bị phân rải nhiều nơi.

Một tiến trình thâm nhập và sửa đổi từ từ đã phát triển, như việc ủng hộ thuyết cho rằng Đại Thừa Giáo chỉ là một giai đoạn phân phái trong trào lưu lớn những người thờ thần Vishnu, Tiểu Thừa Giáo, với tính chất khổ hạnh nhiều hơn, được coi như một phái của người thờ thần Shiva. Khi tín ngưỡng Bà La Môn khắc sâu tình thương mọi loài và sùng bái thần linh và tuyên bố rằng Đức Phật là hóa thân của Vishnu, hồi chuông báo tử của Phật Giáo ở Ấn Độ đã vang lên.

Dưới sự bảo trợ của giới vua chúa có thể được coi là một nguyên nhân khác làm sự suy tàn của Phật Giáo mau chóng. Ví dụ, phải trên hai trăm năm để Phật Giáo mọc những chiếc rễ vững chãi và có được hình thái của một trào lưu giải phóng xã hội lớn trên quê hương của nó. Việc này xảy ra với sự ra đời của vua A Dục (Ashoka) vào thế kỷ thứ ba trước Tây lịch. Tuy nhiên trong vòng năm mươi năm vua A Dục qua đời vào năm 232 trước Tây lịch, Đế quốc Khổng Tước (Maurya) sụp đổ và Phật Giáo mất sự bảo trợ của giới vua chúa chỉ trở lại 300 năm sau với sự ra đời của Ca Nhị Sắc Ca (Kanishka) vào năm 78 sau Tây lịch. Với sự sụp đổ của vương triều Quý Sương (Kushana) vào thế kỷ thứ hai sau Tây lịch, Phật Giáo lại mất sự bảo trợ của giới vương giả. Giai đoạn sau Quý Sương là một giai đoạn rối ren chính trị, cuối cùng đã đưa đến sự nổi lên của vương triều Cấp Đa (Gupta) ở nước Ma Kiệt Đà (Magadha). Những vị Vua của vương triều Cấp Đa là những người theo Bà La Môn giáo và triều đại của họ được đánh dấu là đã làm phục hồi Bà La Môn giáo. Người bảo trợ có quyền hành cuối cùng cho Phật Giáo là vua Giới Nhật (Harsha) nắm quyền vào năm 606 sau Tây lịch, có nghĩa là năm trăm năm sau vua Ca Nhị Sắc Ca. Sau khi vua Giới Nhật mất vào năm 647, Phật Giáo lại mất sự bảo trợ của giới vương giả, và không bao giờ có lại được sự bảo trợ trên một phạm vi rộng lớn. Một khi sự bảo trợ của giới vua chúa không còn, và bị thay thế bằng sự đàn áp của giới vua chúa và tôn giáo, thành lũy cuối cùng của Phật Giáo sụp đổ nhanh chóng hơn có thể tưởng. Những gì còn lại chưa bị những người cực đoan Ấn Độ Giáo phá hủy hết lại bị dẹp sạch bởi những người cuồng tín Hồi Giáo.

Suy tàn của Phật giáo Ấn Độ, nhận rõ từng nguyên nhân gây ra sự tàn phá nặng nề của Phật giáo tại thời điểm này. Những khuyết điểm

về phương thức giáo dục, những sự chia rẽ từ các tông phái, sự buông lung của lớp người nối hậu, sự cố chấp khuôn phép nặng nề về giới luật mà không đem đến cho hành giả một cuộc sống an lạc trong nội tại, những sai lầm về những điều phạm giới mà tự cho mình là đúng, và những bất cập khác như đã trình bày, giúp chúng ta có cơ hội nhìn lại giá trị về đời sống tu tập của chính mình, nhận hiểu được nhiệm vụ và hành động của mình trong tiêu chí hoằng pháp lợi sanh, nhận được cái tinh hoa và đóng góp của tiền nhân.

Dù lý do nào đưa đến sự suy tàn và biến mất của Phật Giáo khỏi đất nước Ấn Độ đi nữa, một việc chắc chắn đó là điều bất hạnh nhất khi tôn giáo của Đức Phật, một tôn giáo hoàn cầu đầu tiên, đánh mất ảnh hưởng trên đất tổ của nó. Sự việc này xảy ra, Ấn Độ đã phải trả một giá rất đắt, đó là sự thật lịch sử. Nước Ấn Độ sung mãn cho đến khi Phật Giáo vẫn còn là một tôn giáo sống động, và khi Phật Giáo suy tàn, Ấn Độ đã mất đi tinh thần tự do, danh tiếng giảm sút, và sự tiến bộ bị ngăn trở. Lịch sử đi qua là những kinh nghiệm thực tế giúp hàng hậu học nhận rõ giá trị và hướng đi của mình như thế nào để làm lợi ích cho mình cho tất cả mọi người, đồng hướng về chân thiện mỹ.